

Số: /TB-QBVR

Điện Biên, ngày tháng 3 năm 2024

## THÔNG BÁO

### Diện tích rừng đủ điều kiện cung ứng dịch vụ môi trường rừng năm 2023 cho các chủ rừng là cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân và tổ chức khác trên địa bàn huyện Mường Chà

Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 03/01/2024 của UBND huyện Mường Chà về việc công bố hiện trạng rừng huyện Mường Chà năm 2023; số liệu theo dõi diễn biến rừng năm 2023 do Hạt Kiểm lâm huyện Mường Chà cung cấp;

Căn cứ Kế hoạch số 79/KH-QBVR ngày 6/3/2024 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên về việc kiểm tra, xác định diện tích rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng năm 2023 trên địa bàn huyện Mường Chà;

Thực hiện các bước xác định diện tích rừng được chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) cho các chủ rừng theo quy định và làm cơ sở để tính toán, xác định đơn giá chi trả và thanh toán tiền cung ứng DVMTR năm 2023 cho các chủ rừng theo quy định; Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh thông báo diện tích rừng đủ điều kiện cung ứng DVMTR năm 2023<sup>1</sup> cho các chủ rừng là cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân và tổ chức khác trên địa bàn huyện Mường Chà, cụ thể như sau:

#### 1. Diện tích rừng cung ứng DVMTR năm 2023 trên địa bàn huyện Mường Chà

Tổng diện tích rừng cung ứng DVMTR năm 2023 cho chủ rừng là cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân và tổ chức khác trên địa bàn huyện Mường Chà: 43.418,15 ha; trong đó:

- Lưu vực Sông Đà (Nhà máy thủy điện Hòa Bình, nhà máy thủy điện Sơn La, Công ty CP nước sạch Sông Đà, Công ty CP nước mặt Sông Đuống): 43.418,15 ha;
- Lưu vực nhà máy thủy điện Trung Thu: 27.148,03 ha;
- Lưu vực nhà máy thủy điện Nậm Múc: 21.377,43 ha;
- Lưu vực nhà máy thủy điện Long Tạo: 18.226,21 ha;
- Lưu vực nhà máy thủy điện Huổi Vang: 6.702,10 ha;
- Lưu vực nhà máy thủy điện Huổi Chan 1: 5.765,21 ha;
- Lưu vực nhà máy thủy điện Nậm He: 6.117,18 ha;
- Lưu vực nhà máy nước thị trấn Mường Chà: 98,09 ha;

(Có biểu tổng hợp diện tích rừng cung ứng DVMTR năm 2023 kèm theo)

#### 2. Đề xuất, kiến nghị

Theo quy định tại điều 62 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp:

<sup>1</sup> Biểu theo Mẫu số 01, 02 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.



- Đề nghị UBND huyện Mường Chà chỉ đạo các phòng chuyên môn sớm điều chỉnh những sai khác thông tin giữa Quyết định và bản đồ, sai tên chủ rừng; bàn giao hồ sơ giao đất, giao rừng theo Kế hoạch số 2783/KH-UBND ngày 20/9/2019 của UBND tỉnh Điện Biên (Bản đồ và Quyết định giao đất, giao rừng được UBND huyện Mường Chà ký ban hành năm 2023, bản dấu đỏ) gửi về Quỹ tỉnh để làm căn cứ chi trả tiền DVMTR cho các chủ rừng theo quy định.

- Đề nghị Hạt Kiểm lâm huyện Mường Chà: Xem xét, sớm có văn bản nhất trí với số liệu diện tích rừng chưa đủ điều kiện; diện tích rừng đủ điều kiện cung ứng DVMTR năm 2023 của xã Huổi Mí, huyện Mường Chà, gửi về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng (số liệu diện tích chưa đủ điều kiện đã được chủ rừng, UBND xã Huổi Mí, kiểm lâm phụ trách địa bàn xã rà soát, thống nhất xác nhận); đồng thời ký xác nhận biểu 01 của xã để làm cơ sở cho Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng triển khai chi trả tiền DVMTR năm 2023 cho các chủ rừng trên địa bàn xã (Quỹ tỉnh chỉ thực hiện chi trả tiền DVMTR năm 2023 cho các chủ rừng của xã Huổi Mí khi Hạt Kiểm lâm huyện có văn bản và ký xác nhận vào biểu tổng hợp diện tích rừng đủ điều kiện cung ứng DVMTR năm 2023 theo mẫu biểu số 01 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP).

- Đề nghị UBND các xã/thị trấn: Công khai biểu diện tích rừng đủ điều kiện cung ứng DVMTR năm 2023 tại UBND xã/thị trấn và thông báo diện tích rừng cung ứng DVMTR năm 2023 đến các chủ rừng là cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân và tổ chức khác trên địa bàn để cập nhật, nắm bắt diện tích rừng đủ điều kiện cung ứng DVMTR năm 2023.

- Đối với các chủ rừng:

+ Đối với các chủ rừng không đến thống nhất diện tích cung ứng năm 2023: Đề nghị các chủ rừng có đơn đề nghị, trong đó nhất trí với số liệu, kết quả kiểm tra của Tổ công tác và kiến nghị được nhận tiền DVMTR năm 2023, gửi UBND xã để xã xác nhận, có văn bản đề nghị gửi về Quỹ, làm căn cứ chi trả.

+ Đề nghị các chủ rừng chưa mở tài khoản khẩn trương hoàn thành thủ tục mở tài khoản Ngân hàng để nhận tiền chi trả DVMTR theo quy định.

Trên đây là thông báo của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng về diện tích rừng đủ điều kiện cung ứng DVMTR năm 2023 cho các chủ rừng là cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân và tổ chức khác trên địa bàn huyện Mường Chà. Kính đề nghị các đơn vị, cơ quan có liên quan và chủ rừng phối hợp tổ chức triển khai thực hiện. /.

**Nơi nhận:**

- Sở Nông nghiệp và PTNT
  - Ban Kiểm soát Quỹ;
  - UBND huyện Mường Chà;
  - PCT UBND huyện Mường Chà (phụ trách NLN);
  - Giám đốc Quỹ;
  - Hạt Kiểm lâm huyện Mường Chà (phối hợp);
  - UBND các xã/thị trấn huyện Mường Chà;
  - Lưu: VT, KH-KT.
- (b/c)

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Phan Anh Sơn**



**BIỂU TỔNG HỢP DIỆN TÍCH RỪNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG NĂM 2023  
HUYỆN MƯỜNG CHÀ - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

*(Kèm theo thông báo số /TB-QBVR ngày tháng 3 năm 2024 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)*

TT	Bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng	Diện tích cung ứng DVMTR đã giao (ha)	Diện tích cung ứng DVMTR đã giao quy đổi (ha)	Diện tích cung ứng DVMTR chưa giao (ha)	Diện tích cung ứng DVMTR chưa giao quy đổi (ha)	Tổng diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Tổng diện tích cung ứng DVMTR quy đổi (ha)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7=3+5]	[8=4+6]	[9]
<b>I</b>	<b>Lưu vực Sông Đà (Nhà máy thủy điện Hòa Bình, Sơn La; Cty cổ phần nước sạch Vinaconex, nước mặt Sông Đuống)</b>							
1	Xã Mường Mươn	4.721,07	3.997,00	433,22	361,32	5.154,29	4.358,32	
2	Xã Na Sang	2.578,79	2.173,11	345,50	288,13	2.924,29	2.461,24	
3	Thị trấn Mường Chà	1.004,69	797,41	117,52	90,02	1.122,21	887,43	
4	Xã Ma Thì Hồ	3.332,32	2.754,96	397,19	328,63	3.729,51	3.083,59	
5	Xã Sa Lông	3.649,90	3.071,13	287,27	237,45	3.937,17	3.308,58	
6	Xã Huổi Lèng	5.405,33	4.454,24	333,47	270,33	5.738,80	4.724,57	
7	Xã Mường Tùng	6.722,40	5.683,89	593,38	503,68	7.315,78	6.187,57	
8	Xã Sá Tổng	3.583,68	3.031,56	373,36	312,90	3.957,04	3.344,46	
9	Xã Pa Ham	985,43	837,42	79,87	68,42	1.065,30	905,84	
10	Xã Nậm Nèn	1.402,35	1.157,26	57,14	47,42	1.459,49	1.204,68	
11	Xã Huổi Mí	6.051,28	5.230,92	97,67	81,14	6.148,95	5.312,06	Hạt Kiểm lâm huyện Mường Chà chưa ký xác nhận biểu tổng hợp diện tích rừng đủ điều kiện cung ứng DVMTR năm 2023 theo mẫu biểu số 01 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP
12	Xã Hừa Ngải	807,97	661,48	57,36	46,83	865,33	708,31	
	<b>Tổng:</b>	<b>40.245,20</b>	<b>33.850,37</b>	<b>3.172,95</b>	<b>2.636,27</b>	<b>43.418,15</b>	<b>36.486,64</b>	
<b>II</b>	<b>Lưu vực nhà máy thủy điện Trung Thu</b>							
1	Xã Mường Mươn	4.721,07	3.997,00	433,22	361,32	5.154,29	4.358,32	
2	Xã Na Sang	2.578,79	2.173,11	345,50	288,13	2.924,29	2.461,24	
3	Thị trấn Mường Chà	1.004,69	797,41	117,52	90,02	1.122,21	887,43	
4	Xã Ma Thì Hồ	3.037,89	2.504,14	397,19	328,63	3.435,08	2.832,77	
5	Xã Sa Lông	3.633,38	3.057,75	286,75	236,76	3.920,13	3.294,51	
6	Xã Sá Tổng	917,94	762,29	135,02	112,28	1.052,96	874,57	
7	Xã Pa Ham	985,43	837,42	79,87	68,42	1.065,30	905,84	
8	Xã Nậm Nèn	1.402,35	1.157,26	57,14	47,42	1.459,49	1.204,68	
9	Xã Huổi Mí	6.051,28	5.230,92	97,67	81,14	6.148,95	5.312,06	Hạt Kiểm lâm huyện Mường Chà chưa ký xác nhận biểu tổng hợp diện tích rừng đủ điều kiện cung ứng DVMTR năm 2023 theo mẫu biểu số 01 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP

TT	Bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng	Diện tích cung ứng DVMTR đã giao (ha)	Diện tích cung ứng DVMTR đã giao quy đổi (ha)	Diện tích cung ứng DVMTR chưa giao (ha)	Diện tích cung ứng DVMTR chưa giao quy đổi (ha)	Tổng diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Tổng diện tích cung ứng DVMTR quy đổi (ha)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7=3+5]	[8=4+6]	[9]
10	Xã Hừa Ngải	807,97	661,48	57,36	46,83	865,33	708,31	
<b>Tổng:</b>		<b>25.140,79</b>	<b>21.178,78</b>	<b>2.007,24</b>	<b>1.660,95</b>	<b>27.148,03</b>	<b>22.839,73</b>	
<b>III</b>	<b>Lưu vực nhà máy thủy điện Nậm Múc</b>							
1	Xã Mường Mươn	4.721,07	3.997,00	433,22	361,32	5.154,29	4.358,32	
2	Xã Na Sang	2.578,79	2.173,11	345,50	288,13	2.924,29	2.461,24	
3	Thị trấn Mường Chà	1.004,69	797,41	117,52	90,02	1.122,21	887,43	
4	Xã Ma Thi Hồ	3.037,89	2.504,14	397,19	328,63	3.435,08	2.832,77	
5	Xã Sa Lông	2.816,60	2.364,64	248,70	204,55	3.065,30	2.569,19	
6	Xã Nậm Nèn	124,74	105,89	13,89	11,25	138,63	117,14	
7	Xã Huổi Mí	5.439,95	4.689,11	97,67	81,14	5.537,62	4.770,25	Hạt Kiểm lâm huyện Mường Chà chưa ký xác nhận biểu tổng hợp diện tích rừng đủ điều kiện cung ứng DVMTR năm 2023 theo mẫu biểu số 01 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP
<b>Tổng:</b>		<b>19.723,74</b>	<b>16.631,30</b>	<b>1.653,69</b>	<b>1.365,04</b>	<b>21.377,43</b>	<b>17.996,34</b>	
<b>IV</b>	<b>Lưu vực nhà máy thủy điện Long Tạo</b>							
1	Xã Mường Mươn	4.721,07	3.997,00	433,22	361,32	5.154,29	4.358,32	
2	Xã Na Sang	2.578,79	2.173,11	345,50	288,13	2.924,29	2.461,24	
3	Thị trấn Mường Chà	1.004,69	797,41	117,52	90,02	1.122,21	887,43	
4	Xã Ma Thi Hồ	3.037,89	2.504,14	397,19	328,63	3.435,08	2.832,77	
5	Xã Sa Lông	2.816,60	2.364,64	248,70	204,55	3.065,30	2.569,19	
6	Xã Huổi Mí	2.482,36	2.166,99	42,68	36,03	2.525,04	2.203,02	Hạt Kiểm lâm huyện Mường Chà chưa ký xác nhận biểu tổng hợp diện tích rừng đủ điều kiện cung ứng DVMTR năm 2023 theo mẫu biểu số 01 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP
<b>Tổng:</b>		<b>16.641,40</b>	<b>14.003,29</b>	<b>1.584,81</b>	<b>1.308,68</b>	<b>18.226,21</b>	<b>15.311,97</b>	
<b>V</b>	<b>Lưu vực nhà máy thủy điện Huổi Vang</b>							
1	Xã Mường Mươn	2.186,21	1.811,79	229,04	188,20	2.415,25	1.999,99	
2	Xã Na Sang	743,05	605,83	108,73	88,15	851,78	693,98	
3	Xã Ma Thi Hồ	3.037,89	2.504,14	397,19	328,63	3.435,08	2.832,77	
<b>Tổng:</b>		<b>5.967,14</b>	<b>4.921,76</b>	<b>734,96</b>	<b>604,98</b>	<b>6.702,10</b>	<b>5.526,74</b>	
<b>VI</b>	<b>Lưu vực nhà máy thủy điện Huổi Chan 1</b>							
1	Xã Mường Mươn	1.395,48	1.149,53	82,88	69,44	1.478,36	1.218,97	
2	Xã Na Sang	743,05	605,83	108,73	88,15	851,78	693,98	



TT	Bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng	Diện tích cung ứng DVMTR đã giao (ha)	Diện tích cung ứng DVMTR đã giao quy đổi (ha)	Diện tích cung ứng DVMTR chưa giao (ha)	Diện tích cung ứng DVMTR chưa giao quy đổi (ha)	Tổng diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Tổng diện tích cung ứng DVMTR quy đổi (ha)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7=3+5]	[8=4+6]	[9]
3	Xã Ma Thi Hồ	3.037,89	2.504,14	397,19	328,63	3.435,08	2.832,77	
<b>Tổng:</b>		<b>5.176,41</b>	<b>4.259,50</b>	<b>588,80</b>	<b>486,22</b>	<b>5.765,21</b>	<b>4.745,72</b>	
<b>VII</b>	<b>Lưu vực nhà máy thủy điện Nậm He</b>							
1	Xã Ma Thi Hồ	294,43	250,82	9,74	8,16	304,17	258,98	
2	Xã Huổi Lèng	776,86	636,06	47,06	38,37	823,92	674,43	
3	Xã Mường Tùng	4.565,24	3.888,09	423,84	361,65	4.989,08	4.249,74	
<b>Tổng:</b>		<b>5.636,54</b>	<b>4.774,97</b>	<b>480,64</b>	<b>408,18</b>	<b>6.117,18</b>	<b>5.183,15</b>	
<b>VIII</b>	<b>Lưu vực nhà máy nước thị trấn Mường Chà</b>							
1	Thị trấn Mường Chà	86,52	69,95	11,57	8,97	98,09	78,92	
<b>Tổng:</b>		<b>86,52</b>	<b>69,95</b>	<b>11,57</b>	<b>8,97</b>	<b>98,09</b>	<b>78,92</b>	